

**↴ GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

( Kèm theo Quyết định số: /QĐ-STNMT, ngày / 12 / 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường )

Đơn vị kiểm tra: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Kon Tum

Đơn vị thực hiện: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Kon Tum.

| STT | Chủ sử dụng đất             | Số phát hành GCN | Ngày cấp GCN | Vị trí đất   | Số thửa                  | Số tờ bản đồ | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Mục đích sử dụng     | Ghi chú |
|-----|-----------------------------|------------------|--------------|--------------|--------------------------|--------------|-----------------------------|----------------------|---------|
| 1   | Trần Ngọc Đông              | Y 848526         | 9/1/2004     | Vinh Quang   | 153                      | 6            | 2565.0                      | ONT(100)+HN<br>K)    |         |
| 2   | Nguyễn Văn Ký               | Q 291627         | 18/11/1999   | Hòa Bình     | 31,19,37,29,<br>30,01,22 | 1,5,7        | 39441.0                     | HNK                  |         |
| 3   | Dương Văn Mỹ-Nguyễn Thị Huệ | CV 554954        | 19/5/2020    | Đăk Cấm      | 1937                     | 46           | 207.2                       | HNK                  |         |
| 4   | Dương Văn Mỹ-Nguyễn Thị Huệ | CV 554953        | 19/5/2020    | Đăk Cấm      | 1,935                    | 46           | 111                         | ONT(100)+HN<br>K(11) |         |
| 5   | A Drih-Y Per                | DA 744566        | 21/7/2021    | Đăk Bla      | 125+132                  | 31           | 792                         | HNK                  |         |
| 6   | A Drih-Y Per                | BC 876601        | 31/5/2011    | Đăk Bla      | 118                      | 31           | 3187                        | HNK                  |         |
| 7   | Trần Tiến Dũng              | AM 505886        | 12/5/2008    | Đăk Cấm      | 119                      | 3            | 830                         | ONT+HNK              |         |
| 8   | Nguyễn Thị Mỹ Duyên         | BĐ 891529        | 24/5/2011    | Đăk Cấm      | 336                      | 56           | 3017                        | ONT+HNK              |         |
| 9   | A Nglich-Y Hyung            | BU 437730        | 26/12/2016   | Hòa Bình     | 218                      | 33           | 3114.6                      | ONT+HNK              |         |
| 10  | Trần Văn Hóa-Hồ Thị Nga     | CU 200186        | 16/01/2020   | Trường Chinh | 144                      | 37           | 50                          | ODT                  |         |
| 11  | Ngô Xuân Nam                | DD 977024        | 11/11/2021   | Trường Chinh | 143                      | 37           | 113                         | ODT                  |         |
| 12  | Phan Thị Vân Lý             | R 129955         | 29/3/2000    | Hòa Bình     | 56,60,62                 | 7            | 10662                       | ONT+HNK              |         |

|    |                                        |           |            |               |     |    |        |         |  |
|----|----------------------------------------|-----------|------------|---------------|-----|----|--------|---------|--|
| 13 | Trần Văn Thân                          | BX 945938 | 27/12/2001 | Đắk Đia       | 12  | 1  | 3703   | ONT+HNK |  |
| 14 | Trần Văn Thân-Nguyễn Thị Hoa           | BX 945938 | 12/12/2014 | Chư Hreng     | 5   | 17 | 8231.8 | HNK     |  |
| 15 | Nguyễn Văn Côn-Trịnh Thị Minh Ánh      | CT 228943 | 5/11/2019  | Trần Hưng Đạo | 66  | 40 | 682.7  | ODT+HNK |  |
| 16 | Võ Văn Xuân                            | BH 544960 | 3/1/2012   | Duy Tân       | 131 | 12 | 1005   | HNK     |  |
| 17 | Trần Thị Nhật                          | AO 069373 | 14/11/2008 | Trường Chinh  | 60  | 01 | 530.2  | HNK     |  |
| 18 | Tổng Hữu Chân-Ngô Thị Hà               | AO 591253 | 15/01/2009 | Thắng Lợi     | 1   | 62 | 343.5  | ODT     |  |
| 19 | Phạm Thị Lệ Thúy                       | CV 548953 | 19/8/2020  | Thống Nhất    | 212 | 14 | 137.2  | ODT     |  |
| 20 | Võ Thị Hải                             | CC 230892 | 25/7/2016  | Đắk Rơ Wa     | 505 | 16 | 631.1  | ONT+HNK |  |
| 21 | Nguyễn Văn Thắng-Nguyễn Thị Bích Thuận | CU 322329 | 5/2/2020   | Trường Chinh  | 266 | 37 | 82.8   | HNK     |  |
| 22 | Nguyễn Văn Thắng-Nguyễn Thị Bích Thuận | CU 322328 | 5/2/2020   | Trường Chinh  | 265 | 37 | 310    | ODT+HNK |  |
| 23 | Vũ Minh Sứy                            | CU 257649 | 12/12/2019 | Trường Chinh  | 140 | 37 | 172.5  | ODT+HNK |  |
| 24 | Hoàng Mạnh Thế-Trần Thị Liên           | AP 983948 | 27/7/2009  | Trường Chinh  | 77  | 01 | 170.4  | HNK     |  |
| 25 | Nguyễn Như Hoàng                       | AP 333731 | 12/5/2009  | Trần Hưng Đạo | 54  | 77 | 797.5  | ODT+HNK |  |
| 26 | Lương Tấn Sơn-Đinh Thị Bích Liên       | AC 880920 | 2/11/2005  | Lê Lợi        | 19  | 45 | 185    | HNK     |  |
| 27 | Bùi Văn Vượng-Đinh Lan Hương           | CV 521200 | 24/3/2020  | Lê Lợi        | 479 | 15 | 67.4   | ODT+HNK |  |

|    |                 |           |            |               |     |    |        |         |  |
|----|-----------------|-----------|------------|---------------|-----|----|--------|---------|--|
| 28 | Mi              | CP 823072 | 15/01/2019 | Vĩnh Quang    | 112 | 33 | 1710.5 | ONT+HNK |  |
| 29 | Lê Thị Tuấn Phu | BK 266015 | 29/03/2013 | Đăk Bla       | 145 | 19 | 484.9  | ONT+HNK |  |
| 30 | A Keoh          | BC 645592 | 31/5/2011  | Đăk Bla       | 10  | 36 | 8052   | HNK     |  |
| 31 | Trần Nhân Công  | CP 833906 | 15/01/2019 | Trần Hưng Đạo | 116 | 43 | 463.1  | ODT+HNK |  |
| 32 | Phùng Xuân Hạnh | T 922758  | 30/8/2001  | Kroong        | 4   | 7  | 1700   | ONT+HNK |  |